

Bản án số: 37/2022/HS-ST

Ngày 20 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐ-HPT ngày 27/6/2022 đối với bị cáo: Phạm Khánh T, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1985 tại xã M, huyện N, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Phạm Khánh Q sinh năm 1960; Mẹ: Hà Thị Đ, sinh năm 1960; Vợ: Lương Thị T, sinh năm 1992(đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: 1. Anh Hà Văn L, sinh năm 1982. Vắng mặt

2. Anh Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1982. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn N xã Đ, huyện L, tỉnh T.

3. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986. Vắng mặt

4. Chị Vi Thị T, sinh năm 1986. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Bản P, xã K, huyện B, tỉnh T.

5. Anh Ngân Văn D, sinh năm 1989. Có mặt

6. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986. Có mặt
Cùng địa chỉ: Thôn N xã G , huyện L, tỉnh T.
7. Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1970. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 4 xã N , huyện N, tỉnh T.
8. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1992. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn K xã V , huyện N, tỉnh T.
9. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Trung S xã Thúy S, huyện N, tỉnh T.
10. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1964. Có mặt
Địa chỉ: Thôn 12 xã T , huyện T, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Văn V, sinh năm 1986. Vắng mặt
Địa chỉ: Phố V , thị trấn N, huyện N, tỉnh T.
2. Anh Trịnh Đình C, sinh năm 1982. Có mặt
Địa chỉ: Khu phố C , thị trấn L, huyện L, tỉnh T.
3. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1987. Vắng mặt
4. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1986. Vắng mặt
Cùng địa chỉ: Phố B i, xã K , huyện N, tỉnh T

- *Nhân chứng:*

1. Anh Nguyễn Hữu K , sinh năm 1993. Vắng mặt
Địa chỉ: Tiểu khu 22 xã T , huyện Q , tỉnh T.
2. Anh Nguyễn Trọng L , sinh năm 1994. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn L xã L , huyện T , tỉnh T.
3. Anh Phạm Hồng N , sinh năm 1996. Vắng mặt
Địa chỉ: Phố Lê Thánh Tông, thị trấn N, huyện N, tỉnh T.
4. Anh Phạm Văn N , sinh năm 1963. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Khén xã V , huyện N, tỉnh T.
5. Chị Mai Thị H , sinh năm 1992. Vắng mặt
Địa chỉ: Phố 2 thị trấn N, huyện N, tỉnh T.
6. Anh Lê Viết B sinh năm 1991. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Trung Tâm xã L , huyện N, tỉnh T.
7. Anh Phạm Văn H , sinh năm 1990. Vắng mặt
Địa chỉ: Phố Ba Si, xã K , huyện N, tỉnh T
8. Chị Đỗ Thị H , sinh năm 1984. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 12 xã T , huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2021, Phạm Khánh T (sinh năm 1985, trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện L) đã thực hiện 07 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Đầu tháng 01/2018, Phạm Khánh T đến nhà anh Hà Văn L (sinh năm 1982, trú tại thôn N , xã Đ , huyện L) là bạn thời trung học phổ thông

để chơi. Tại đây, T thấy anh L đang xây nhà ở nên nảy sinh ý định lừa đảo. T tự giới thiệu là nhân viên công ty tôn và nói với anh L nếu mua mà thanh toán trước sẽ được giảm giá 20%. Anh L đồng ý và bảo vợ là chị Phạm Thị Đ (sinh năm 1982) đưa cho T số tiền 13.000.000 đồng để đi đặt tôn lợp mái nhà.

Khoảng một tuần sau, T gọi điện thoại và nói với anh L phải đóng thêm 8.000.000 đồng để đi đặt tôn, đồng thời hẹn vài hôm nữa chở tôn về. Anh L đã nói chị Đ đưa đủ số tiền cho T theo yêu cầu. Sau đó T tìm nhiều lý do để trì hoãn.

Đến ngày 17/01/2019, sau khi thợ xây xong nhà mà chưa có vật liệu lợp mái, anh L gọi điện cho T thì T lấy lý do công ty yêu cầu phải thanh toán đầy đủ mới cho chở tôn về. Anh L bảo vợ đưa thêm cho T 20.000.000 đồng nữa. Nhận tiền xong, T đã cắt liên lạc với vợ chồng anh L, chị Đ. Anh L nhiều lần liên lạc, đến nhà tìm T nhưng không được mới biết bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Gia đình anh L không trình báo vụ việc đến cơ quan chức năng. Ngày 20/12/2021, khi biết tin Phạm Khánh T bị bắt, anh L đã đến Công an huyện L khai báo vụ việc.

Vụ thứ hai: Cuối tháng 5/2020, Phạm Khánh T đến gia đình anh Phạm Văn T (sinh năm 1986, trú tại bản Pă, xã K, huyện B) giới thiệu tên là T, ở xã C, huyện C, hiện đang là nhân viên tư vấn thị T cho nhà máy tôn ở C. Khi đó nhà anh T đang xây nhà, T báo công ty đang có chương trình khuyến mãi giảm giá tôn, sắt, nếu mua sẽ bán giá thấp hơn giá thị T. Sau khi anh T đồng ý, T lên mái nhà đo đạc, tính toán lượng tôn sắt, báo giá cho anh T tiền vật liệu sau khi khấu trừ là 39.000.000 đồng.

Sau đó, T đi đến nhà máy cán tôn ở Km 22, xã Trung Tiến, huyện Q, dùng số điện thoại 0816.440.838 gọi vào số 0977.156.922 trên biển quảng cáo của nhà máy, liên lạc với anh Nguyễn Hữu K (sinh năm 1993, trú tại xã T, huyện Q) là chủ nhà máy và giới thiệu tên là K ở bản P, xã Kỳ Tân, huyện B. T đặt đơn hàng vật liệu xây dựng trị giá 46.001.000 đồng, hẹn giao hàng đến nhà sẽ thanh toán trước 30.000.000 đồng, còn lại sẽ thanh toán hết vào ngày 05/6/2020.

Sáng ngày 26/5/2020, anh K gọi điện báo cho T đã chuẩn bị xong hàng. T hướng dẫn anh K chở hàng đến nhà anh T. T dùng số điện thoại 0816.440.838 gọi vào số 0335.234.037 của anh T báo khoảng 9 giờ có xe của công ty chở tôn, sắt đến, anh T chuẩn bị trước khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đến khoảng 9 giờ 30 phút, khi anh K đang bốc hàng xuống thì có một nhân viên mang hóa đơn đưa cho anh T và ra bốc hàng tiếp. Lúc này, T vào gặp anh T bảo đưa hóa đơn cho T để về T toán với công ty. Anh T đưa hóa đơn cho T và đưa cho T số tiền 30.000.000 đồng. Nhận tiền xong, T bỏ đi.

Sau khi chuyển hết hàng xuống, anh K gặp anh T để lấy tiền hàng. Anh T mới nói là đã trả cho nhân viên của anh K tên là T (tức T). Sau đó, Anh T và anh K gọi vào số điện thoại 0816.440.838 của T, của K (tức T) nhưng không liên lạc được mới biết cả hai đã bị lừa. Anh K để lại toàn bộ tôn sắt và được anh T thanh toán đầy đủ số tiền tương ứng với số hàng là 46.001.000 đồng.

Gia đình anh T cũng không báo cáo vụ việc đến cơ quan chức năng. Ngày 20/11/2021, Công an huyện T đến gia đình anh T xác minh thì anh T đã báo cáo vụ việc bị Phạm Khánh T lừa đảo.

Vụ thứ ba: Đầu Tháng 10/2020, Phạm Khánh T đến gia đình anh Ngân Văn D (sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã G, huyện L) giới thiệu tên là Nguyễn Đình H ở thị trấn T, huyện T, đang làm thợ dựng tôn sắt, mái nhà. Khi đó, nhà anh D đang xây nhà, T để lại số điện thoại và hẹn khi nào cần làm tôn, sắt thì gọi cho T. Đến ngày 07/12/2020, anh D dùng số điện thoại 0357.476.198 gọi vào số điện thoại 0342.787.964 của T để thuê làm mái tôn. Trong ngày, T đến nhà anh D đo đạc diện tích và báo giá tiền tôn sắt, tiền công là 31.500.000 đồng. Anh D đồng ý thuê T làm.

Sáng ngày 08/12/2020, T đi đến huyện T Xuân tìm cơ sở làm tôn sắt. Khi qua cửa hàng của anh Nguyễn Trọng L (sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã L, huyện T), T lấy số điện thoại 0342.787.964 gọi vào số 0396.700.751 trên biển quảng cáo của cửa hàng thì anh L bắt máy. T xưng tên là H ở thôn N, xã G, huyện L để đặt hàng tôn, sắt. Anh L đồng ý thì T hướng dẫn đến nhà anh D để đo đạc diện tích và làm hợp đồng. Chiều cùng ngày, anh L đến nhà anh D. Sau khi đo đạc diện tích, số lượng, anh L báo giá cho T số tiền 30.000.000 đồng. T đồng ý và cả hai rời đi.

Chiều ngày 09/12/2020, anh Lưu chở sắt đến nhà anh D và đi về. T gọi điện cho anh D hỏi có người chở sắt đến chưa thì anh D bảo có rồi. Tối cùng ngày, T đến nhà anh D hỏi ứng trước một nửa số tiền là 15.000.000 đồng. Anh D đồng ý và viết giấy hợp đồng làm mái với anh Nguyễn Đình H (tức T), cho ứng trước 15.000.000 đồng. Làm xong hợp đồng đưa cho T, T đã ghi vào hợp đồng nội dung: *“Tôi là Nguyễn Đình H đã nhận với gia đình anh D số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng chẵn)”*. Sau đó, anh D bảo vợ là chị Phạm Thị H (sinh năm 1986) đưa tiền cho T và T dời đi.

Ngày 10/12/2020, anh L tiếp tục chở sắt đến nhà anh D và hỏi ứng tiền trước. Anh D trả lời đã đưa tiền cho H (tức T) rồi. Anh L và anh D gọi điện cho T nhưng không liên lạc được thì mới biết cả hai đã bị lừa đảo. Anh D đã thống nhất lại tiền công, tiền tôn sắt với anh L. Sau khi làm nhà xong thì anh D đã T toán đầy đủ cho anh L tiền tôn sắt là 30.000.000 đồng.

Gia đình anh D cũng không báo cáo vụ việc đến cơ quan chức năng. Ngày 26/11/2021, Công an huyện T đến gia đình anh D xác minh thì anh D đã báo cáo vụ việc bị Phạm Khánh T lừa đảo.

Vụ thứ tư: Ngày 01/12/2020, khi gia đình anh Nguyễn Đình N (sinh năm 1970, trú tại thôn 4, xã N, huyện N) đang xây nhà thì Phạm Khánh T đến làm quen và giới thiệu tên là T ở xã C, huyện C. T bảo đang là nhân viên tiếp thị công ty Tôn Hoa Sen ở khu vực miền núi, hiện tại công ty đang có chương trình khuyến mại giảm giá tôn sắt, nếu gia đình anh N mua sẽ bán giá thấp hơn giá thị trường. T để lại số điện thoại cho anh N liên lạc khi cần. Chiều cùng ngày, anh N

dùng số điện thoại 0333.691.536 gọi vào số điện thoại 0342.787.964 của T để tính toán đơn giá tôn sắt.

Sáng ngày 02/12/2020, T đi lên thị trấn N, huyện N để tìm cơ sở làm tôn sắt. Khi đi qua cửa hàng của anh Lê Văn V (sinh năm 1986, trú tại phố Vân Hòa, thị trấn N, huyện N), T dùng số điện thoại 0342.787.964 gọi vào số điện thoại 0964.703.719 trên biển quảng cáo thì anh V nghe máy. T giới thiệu tên là T, cần thuê anh V làm tôn sắt thì anh V đồng ý. T dẫn anh V đến nhà anh N đo đạc diện tích, sau đó về nhà lên đơn hàng rồi báo cho T.

Sáng ngày 03/12/2020, anh V đến Nhà máy tôn sắt Hoan Thê ở phố T, thị trấn N, huyện N lấy đơn hàng trị giá 27.165.770 đồng. Anh V gọi điện cho T nói sẽ chở tôn, sắt đến nhà anh N. Khi xe chở hàng đến, T cũng có mặt. Anh V sau khi bốc hàng xong thì về trước, còn T ở lại gặp anh N hỏi thanh toán số tiền 21.400.000 đồng. Anh N đồng ý, viết giấy nhận tôn, sắt đã thanh toán tiền hàng. T ký nhận, ghi họ tên là “Nguyễn Vũ T” và cầm số tiền 21.400.000 đồng đi về.

Ngày 06/12/2020, anh V cho thợ đến nhà anh N để thi công thì được biết T (tức T) đã lấy số tiền 21.400.000 đồng. Anh V và anh N gọi điện cho T (tức T) nhưng đều không liên lạc được. Lúc này cả hai mới biết đã bị lừa.

Anh V vẫn để toàn bộ số tôn, sắt giá trị 27.165.770 đồng lại cho gia đình anh N và cho thợ về không tiến hành thi công nữa.

Anh N, anh V cũng không báo cáo vụ việc đến cơ quan chức năng. Ngày 22/11/2021, Công an huyện T đến gia đình anh N, gia đình anh V xác minh thì anh N, anh V đã báo cáo vụ việc bị Phạm Khánh T lừa đảo.

Vụ thứ năm: Cuối tháng 12/2020, gia đình anh Phạm Văn V (sinh năm 1992, trú tại thôn K, xã V, huyện N) có xây dựng nhà nhưng vợ chồng anh V đang đi làm công nhân tại tỉnh B nên nhờ bố đẻ là ông Phạm Văn N (sinh năm 1963) đứng ra trông coi, quản lý. Phạm Khánh T vào gặp ông N, giới thiệu tên là K ở huyện T, đang làm nhân viên tiếp thị tôn, sắt của công ty Tôn Hoa Sen có đại lý ở khắp các huyện trong tỉnh T. T nói công ty đang có chương trình giảm giá, rẻ hơn giá thị T và để lại số điện thoại 0342.787.964 cho ông N để liên lạc khi cần mua tôn sắt. Thấy vậy, ông N trao đổi với anh V và đưa số điện thoại cho anh V để liên hệ mua tôn sắt. Sau đó, anh V gọi điện, trao đổi thống nhất với T.

Ngày 23/12/2020, T dùng số điện thoại 0345.851.031 gọi đến số điện thoại 0393.203.893 của anh Phạm Hồng N (sinh năm 1996, trú tại phố L thị trấn N, huyện N). T giới thiệu tên là V ở thôn K, xã V, huyện N, hiện đang xây dựng nhà và muốn thuê anh N mua tôn sắt, hoàn thiện nhà. Anh N đồng ý và T hướng dẫn đến nhà anh V để đo đạc, tính toán chi phí.

Ngày 24/12/2020, T gọi cho anh V nói là công ty chở một nửa tôn sắt đến. Sau khi anh N chở hàng đến, T gọi điện cho anh V yêu cầu cho ứng trước số tiền 27.000.000 đồng. Sau khi xác nhận ở nhà đã có vật liệu xây dựng, anh V đồng ý trả tiền. T đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại của chị Mai Thị H (sinh năm 1992, trú tại Phố 2, thị trấn N, huyện N) mượn tài khoản ngân hàng của chị

H để nhận tiền hộ. Đồng thời T gọi điện nói anh V chuyển tiền vào tài khoản đó. Anh V đã hai lần dùng số tài khoản 020078026031, ngân hàng Sacombank của mình chuyển vào số tài khoản 12210000822512, ngân hàng BIDV của chị H với số tiền 31.200.000 đồng. Sau đó, chị H đã đưa tiền mặt cho T, nhận tiền xong T rời đi.

Ngày 26/12/2020, anh N chở nốt số vật liệu còn lại đến nhà anh V và yêu cầu gia đình anh V thanh toán tổng số tiền 50.000.000 đồng. Gia đình anh V nói rằng đã trả trước cho K (tức T) số tiền 31.200.000 đồng. Thấy vậy, anh V và anh N gọi cho T nhưng không liên lạc được thì cả hai mới biết đã bị lừa đảo.

Anh N vẫn tiếp tục làm tôn, sắt cho gia đình anh V. Anh V đã thỏa thuận với anh N về việc làm mái nhà, tổng tiền vật liệu và tiền công là 52.000.000 đồng đã T toán hết cho anh N.

Gia đình anh V cũng không báo cáo vụ việc đến cơ quan chức năng. Ngày 30/11/2021, Công an huyện T đến gia đình anh V xác minh thì anh V đã báo cáo vụ việc bị Phạm Khánh T lừa đảo.

Vụ thứ sáu: Khoảng tháng 8/2021, gia đình chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1975, trú tại thôn T, xã T, huyện N) đang xây nhà thì Phạm Khánh T đến giới thiệu tên là Đ, làm nhân viên tiếp thị bán vật liệu xây dựng với giá rẻ. T để lại số điện thoại cho chị T khi cần sẽ liên lạc. Sau đó, chị T đã dùng số điện thoại 0363.429.870 gọi đến số điện thoại 0376.023.155 của T liên hệ mua tôn sắt. T đến nhà chị T đo đạc, tính toán vật liệu hết số tiền 28.000.000 đồng.

Sau đó, T dùng số điện thoại 0376.023.155 gọi vào số 0365.856.380 của anh Trịnh Đình C (sinh năm 1982, trú tại khu phố C thị trấn L, huyện L) giới thiệu là nhân viên công ty tôn ở Hà Nội và có anh chị ở thôn T, xã T huyện N đang xây nhà. T có thuê anh C đến nhà chị T để làm xà gồ, bắn tôn mái nhà. Anh C yêu cầu T phải trả tiền trước một ít thì T hẹn khi nào chuyển vật liệu đến sẽ đưa.

Ngày 19/8/2021, anh C chở xà gồ đến nhà chị T và cho thợ thi công phần mái nhà. Anh C yêu cầu T ứng tiền trước. T đưa số tiền 2.000.000 đồng cho một người không quen biết nhờ chuyển khoản cho anh C qua ứng dụng dùng ViettelPay (ví điện tử) với mục đích tạo niềm tin cho anh C tiếp tục đến làm tôn cho chị T. Sau đó, T đã yêu cầu chị T chuyển trước số tiền 7.000.000 đồng, chị T đồng ý. T mượn tài khoản ngân hàng của Lê Viết B (sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã L, huyện N) nói để nhận tiền của người nhà. Sau đó đã nhắn tin yêu cầu chị T chuyển tiền vào tài khoản. Chị T đã dùng ứng dụng ViettelPay (ví điện tử) chuyển số tiền 7.000.000 đồng đến số tài khoản 8430102919002, ngân hàng MBbank của B theo yêu cầu của T. Sau khi tài khoản có tiền, anh B đưa số tiền 7.000.000 đồng cho T.

Ngày hôm sau, anh C chuyển tôn đến nhà chị T và yêu cầu chị T T toán tiền xà gồ là 7.000.000 đồng và tiền công là 1.500.000 đồng của ngày hôm qua. Tổng là 8.500.000 đồng, đã ứng trước 2.000.000 đồng còn lại 6.500.000 đồng.

Chị T cho biết đã chuyển cho T số tiền 7.000.000 đồng rồi. Sau đó chị T và anh C gọi điện cho Đ (tức T) nhưng không liên lạc được thì cả hai mới biết mình đã bị lừa đảo.

Anh C chở tôn và cho thợ về, không thi công cho nhà chị T nữa, số xà gồ chở đến trước đó để lại. Gia đình chị T và anh C cũng không báo cáo vụ việc đến cơ quan chức năng. Ngày 30/11/2021, Công an huyện T đến gia đình chị T; ngày 10/3/2022 Công an huyện T đến gia đình anh C xác minh thì chị T, anh C đã báo cáo vụ việc bị Phạm Khánh T lừa đảo.

Vụ thứ bảy: Đầu tháng 10/2021, Phạm Khánh T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha BKS 36H8-9056 đi từ huyện L xuống huyện T, tìm kiếm các hộ dân đang xây nhà với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi qua thôn 12, xã T, huyện T, T thấy nhà ông Bùi Văn T (sinh năm 1964) đang xây nhà nên vào gặp ông T, giới thiệu tên là Đại, người ở huyện Triệu S, hiện đang là nhân viên tư vấn thị T của công ty kinh Doanh vật liệu xây dựng. T nói với ông T nếu nhập hàng sẽ được giảm giá 10%. Thấy vậy nên ông T đồng ý và xin số điện thoại của T, hẹn khi nào làm mái nhà sẽ đặt tôn, sắt. Sau đó, T T xuyên dùng số điện thoại 0376.023.155 gọi vào số 0979.674.929 của ông T, trao đổi về giá cả, báo giá thấp hơn giá thị T. Đến ngày 26/10/2021, ông T gọi điện cho T thỏa thuận mua xà gồ và tôn lợp mái nhà, đơn hàng trị giá 15.000.000 đồng.

Thỏa thuận xong, ngày 30/10/2021, T dùng số điện thoại 0376.023.155 gọi vào số 0964.800.052 (số điện thoại T lấy trên biển quảng cáo) của chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1987 là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng S N ở phố B, huyện N. T xưng tên là Đại, ở xã T, huyện T đặt mua đơn hàng trị giá 18.956.000 đồng. T nói với chị N chia đơn hàng làm hai lần (đơn sắt và đơn tôn), lần đầu sẽ ký nhận đủ hàng, lần hai sẽ T toán hết tiền.

Đến ngày 31/10/2021, sau khi chuẩn bị đơn hàng sắt trị giá 9.017.000 đồng thì chị N gọi cho T để giao hàng. T hướng dẫn chở hàng đến thôn 12, xã T, huyện T còn bản thân điều khiển xe mô tô BKS 36H8-9056 đến trước và đứng chờ tại cổng nhà ông T. Khi anh Phạm Văn H (sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã K, huyện N) là nhân viên của chị N điều khiển xe đến nhà ông T. T đón và chỉ cho H bốc hàng xuống và lấy hóa đơn. H đưa cho T hai tờ hóa đơn giống nhau với giá trị tiền hàng là 9.017.000 đồng. T ký họ tên là Trần Văn Đ và ghi vào hóa đơn “*đã nhận đủ hàng, chưa thanh toán*” vào một tờ hóa đơn rồi đưa cho H một bản. Còn một tờ hóa đơn T giữ lại. Sau khi H đi về, T đi vào nhà gặp và đưa tờ hóa đơn cho ông T yêu cầu ứng số tiền 8.000.000 đồng. Ông T bảo vào trong nhà gặp chị Đỗ Thị H (sinh năm 1984) là em dâu ông T để lấy tiền. Chị Hà nói chỉ còn 7.500.000 đồng và lấy tiền đưa cho T. T cầm tiền xong thì ra lấy xe bỏ đi.

Đến sáng ngày 01/11/2021, chị N gọi cho T giao nốt đơn hàng còn lại thì T nói không có nhà. Sau đó, T tháo thẻ sim của số 0376.023.155 cất đi, không liên lạc với chị N và ông T nữa. Chiều cùng ngày, chị N liên lạc với T không

được nhưng vẫn chuẩn bị đơn hàng tôn còn lại đưa đến nhà ông T. Anh Phạm Văn S (sinh năm 1986) là chồng chị N đi cùng nhân viên đưa tôn đến và đề nghị ông T thanh toán tiền hai đơn hàng. Ông T nói đã thanh toán đơn hàng trước cho Đ (tức T) rồi. Sau đó, anh S và ông T gọi vào số 0376.023.155 của T nhưng không liên lạc được thì cả hai mới biết đã bị lừa. Anh S đã để lại số hàng là đơn sắt lần một và chuyển đơn hàng lần hai về.

Ngày 07/11/2021, ông T đã đến Công an xã T trình báo sự việc.

Ngày 17/11/2021, T đã đến Công an huyện L đầu thú, khai nhận hành vi lừa đảo với ông T, anh S và tự khai nhận thêm 06 lần phạm tội khác. Quá trình điều tra, Phạm Khánh T đã giao nộp: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha màu xanh đen, BKS 36H8-9056, xe đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại Nokia 105 màu xám xanh, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0376.023.155, điện thoại đã qua sử dụng; 02 (hai) thẻ sim số thuê bao 0865.620.204 và 0338.041.246.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave BKS 36H8-9056, qua xác minh chủ xe là ông Lê Hồng M (sinh năm 1968, trú tại thôn T, xã T, huyện L). Ông Minh khai nhận cho cháu Phạm Văn H (sinh năm 1982, trú tại làng M, xã M, huyện N) mượn, sau đó Hội đưa cho T mượn. Ông Minh và Hội không biết việc Phạm Khánh T sử dụng chiếc xe vào mục đích lừa đảo tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho ông Minh;

- 01 (một) điện thoại Nokia và 02 thẻ sim T giao nộp đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Các bị hại yêu cầu Phạm Khánh T bồi thường, cụ thể: Anh Hà Văn L yêu cầu bồi thường số tiền 41.000.000 đồng; anh Phạm Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; anh Ngân Văn D yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng; anh Lê Văn V yêu cầu bồi thường số tiền 27.165.770 đồng cho đơn hàng đã chuyển đến nhà anh Nguyễn Đình N; anh Phạm Văn V yêu cầu bồi thường số tiền 31.200.000 đồng; anh Trịnh Đình C yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000 đồng đã chuyển và lắp đặt tại nhà chị Nguyễn Thị T; Chị Huỳnh Thị N yêu cầu bồi thường số tiền 9.017.000 đồng cho đơn hàng đã chuyển đến nhà ông Bùi Văn T.

Cáo trạng số 33/CT-VKSTX ngày 12/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Phạm Khánh T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Khánh T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm r, s khoản 1, 2 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Khánh T; Đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Khánh T từ 04(bốn) năm đến 04(bốn) năm 06(sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/11/2021;

Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Anh Hà Văn L 41.000.000đ; Anh Phạm Văn T 30.000.000đ; Anh Ngân Văn D 15.000.000đ; Anh Phạm Văn V 31.200.000đ; Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lê Văn V 27.165.770đ; Anh Trịnh Đình C 5.000.000đ; Chị Huỳnh Thị N 9.017.000đ; Tổng cộng = 158.382.770đ ; Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật. Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2021, bị cáo Phạm Khánh T đã có hành vi gian dối, đưa ra thông tin sai sự thật để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 41.000.000đ của anh Hà Văn L; Số tiền 30.000.000đ của anh Hà Văn T; Số tiền 15.000.000đ của anh Ngân Văn D; Số tiền 21.400.000đ của anh Nguyễn Đình N; Số tiền 31.200.000đ của anh Phạm Văn V; Số tiền 7.000.000đ của chị Nguyễn Thị T; Số tiền 7.500.000đ của ông Bùi Văn T. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 153.100.000 đ nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 BLHS.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Phạm Khánh T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 174 BLHS.

Cáo trạng số 33/CT-VKSTX ngày 12/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất của vụ án: HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng.

[4]. Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: HĐXX thấy rằng: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; Hành vi của bị cáo gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng vào lòng tin của những người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Điều đó chứng tỏ rằng bị cáo rất coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5]. Xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo đã tự thú khai ra hành vi thực hiện 06 vụ án lừa đảo khác nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 BLHS. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về Hình phạt: HĐXX xét thấy: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng và phạm tội 02 lần trở lên nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, bản thân bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này đối với Lê Viết B và Mai Thị H cho bị cáo mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền. B và H không biết việc bị cáo nhận tiền lừa đảo nên không có căn cứ xử lý.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Xét yêu cầu của những người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại thì HĐXX thấy rằng: Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền của những người bị hại để chi tiêu cá nhân nên căn cứ vào điều 48 BLHS buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho những người bị hại là phù hợp. Cụ thể buộc bị cáo Phạm Khánh T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Anh Hà Văn L số tiền 41.000.000đ; Anh Phạm Văn T số tiền 30.000.000 đồng; Anh Ngân Văn D số tiền 15.000.000 đồng; Anh Phạm Văn V số tiền 31.200.000 đồng;

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu thì HĐXX thấy rằng: Bị cáo đã đưa ra thông tin sai sự thật(Giảm giá) về giá cả làm mái tôn để các Bị hại tin tưởng và cho bị cáo ứng tiền nhưng bị cáo không chi trả cho những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà chi tiêu cá nhân nên HĐXX buộc Bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho những

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ thể gồm: Anh Lê Văn V số tiền 27.165.770 đồng cho đơn hàng đã chuyển đến nhà anh Nguyễn Đình N; Anh Trịnh Đình C số tiền 5.000.000 đồng đã chuyển và lắp đặt tại nhà chị Nguyễn Thị T; Chị Huỳnh Thị N số tiền 9.017.000 đồng cho đơn hàng đã chuyển đến nhà ông Bùi Văn T. Tổng cộng = 158.382.770đ.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Nokia màu xám xanh, model 1200, bên trong gắn thẻ sim di động số 0376.023, số IMEI1: 353148039763172. (Hiện trạng máy cũ hỏng); 01 thẻ sim mạng vinaphone số thuê bao 0865.620.204, có số trên thẻ sim 8984048000319096968, sim đã qua sử dụng; 01 thẻ sim mạng Viettel số thuê bao 0338.041.246, có số trên thẻ sim 8984048000032597938, sim đã qua sử dụng đều là công cụ phương tiện phạm tội và là tài sản cũ hỏng không sử dụng được nên HDXX căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 điều 174; Điểm r, s khoản 1, 2 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS;
- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Khánh T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"
- Xử phạt: Bị cáo Phạm Khánh T 04(bốn) năm 03(ba)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/11/2021.
- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy gồm: với 01 điện thoại Nokia màu xám xanh, model 1200, bên trong gắn thẻ sim di động số 0376.023, số IMEI1: 353148039763172. (Hiện trạng máy cũ hỏng); 01 thẻ sim mạng vinaphone số thuê bao 0865.620.204, có số trên thẻ sim 8984048000319096968, sim đã qua sử dụng; 01 thẻ sim mạng Viettel số thuê bao 0338.041.246, có số trên thẻ sim 8984048000032597938, sim đã qua sử dụng.

Toàn bộ số vật chứng trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng số 57 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Về trách N bồi T dân sự: Căn cứ vào điều 48 BLHS; Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Khánh T phải bồi T thiệt hại cho các bị hại gồm: Anh Hà Văn L số tiền 41.000.000đ; Anh Phạm Văn T số tiền 30.000.000 đồng; Anh Ngân Văn D số tiền 15.000.000 đồng; Anh Phạm Văn V số tiền 31.200.000 đồng;

Bồi T cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lê Văn V số tiền 27.165.770 đồng; Anh Trịnh Đình C số tiền 5.000.000 đồng; Chị Huỳnh Thị N số tiền 9.017.000 đồng. Tổng cộng = 158.382.770đ

T hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ T hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác .

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc bị cáo Phạm Khánh T phải chịu 200.000đ án phí HSST và án phí DSST là 7.919.000đ, tổng là 8.119.000đ.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T; tỉnh T
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng